TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2018/DS-ST
Ngày: 02/3/2018
V/v tranh chấp dân sự, vay tài sản.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC, TỈNH AN GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Bạch Tuyết.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Quốc Vũ - Phó Hiệu trưởng Trường Chuyên Thủ Khoa Nghĩa thành phố Châu Đốc.

2. Ông Phan Trọng Điền – Phó Giám đốc Trung tâm y tế thành phố Châu Đốc.

- Thư ký phiên toà: Bà Đặng Thị Tâm, Thư ký Toà án nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Lưu Tiến Dũng, Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Châu Đốc xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 198/2017/TLST-DS ngày 29 tháng 11 năm 2017 về việc "Tranh chấp dân sự, vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2018/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 01 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2018/QĐST-DS ngày 13 tháng 02 năm 2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị Hoàng O, sinh năm 1957, địa chỉ: số 300, đường Nguyễn Văn Thoại, khóm A, phường B, thành phố C, tỉnh D.

2. *Đồng bị đơn*: Ông Trần Vĩnh Th, sinh năm 1968 và bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1966; địa chỉ: tổ 19, khu dân cư khóm A1, phường B, thành phố C, tỉnh D.

3. *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan*: Trần Thị Mỹ T, sinh năm 1992; địa chỉ: tổ 19, khu dân cư khóm A1, phường B, thành phố C, tỉnh D.

Bà O, ông Th có mặt tại phiên tòa; bà P vắng mặt lần thứ hai không có lý do, chị T vắng mặt có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 29/11/2017, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị Hoàng O trình bày:

Ngày 01/01/2017, bà O có cho ông Th và bà P vay số tiền vốn 100.000.000 (một trăm triệu) đồng, lãi suất 2%/tháng, thời hạn 02 tháng. Đối với Biên nhận cầm nhà ngày 1/10/2017 do bà O cung cấp cho Tòa án chỉ là biên nhận nợ chứng minh việc ông Th, bà P có vay của bà O 100.000.000 đồng, không phải là hợp đồng thế chấp tài sản. Ngoài ra, ông Th, bà P còn giao cho bà O bản chính "Tờ sang nhượng nền đất và nhà" ngày 16/7/2013 và "Tờ sang nhượng nền đất và nhà" ngày 08/6/2013 để làm tin, bà O đã giao trả cho ông Th. Quá trình vay, ông Th và bà P có đóng lãi đủ đến ngày 01/10/2017 được 09 tháng x 2000.000 = 18.000.000 (mười tám triệu) đồng thì ngưng cho đến nay, chưa trả vốn. Yêu cầu ông Th, bà P liên đới có trách nhiệm trả cho bà O vốn 100.000.000 đồng; không yêu cầu trả lãi; không yêu cầu điều chỉnh tiền lãi đã trả. Nếu đến hạn thỏa thuận mà ông Th, bà P không thanh toán vốn gốc thì phải chịu tiền lãi suất theo quy định pháp luật cho đến khi thi hành án xong.

- Theo các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, ông Trần Vĩnh Th khai: Thống nhất như lời khai của bà O về việc ông Th, bà P có vay của bà O 100.000.000 (một trăm triệu) đồng, lãi suất 2%/tháng, thời hạn 02 tháng và số tiền lãi đã trả 18.000.000 đồng, chưa trả vốn. Ông Th xác định, ông Th và bà P còn nợ bà O vốn 100.000.000 (một trăm triệu) đồng. Xin gia hạn đến ngày 01/3/2018 sẽ trả dần vốn 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi hết nợ, xin không tính lãi.

Ngoài ra, ông Th còn khai nhận, chữ ký trong "Biên nhận cầm nhà" ngày 01/01/2017 do bà O cung cấp đúng là chữ ký của ông Th và bà P. "Biên nhận cầm nhà" ngày 01/01/2017 chỉ là biên nhận nợ vay số tiền 100.000.000 đồng, không phải hợp đồng thế chấp tài sản. Ông Th đã nhận lại bản chính "Tờ sang nhượng nền đất và nhà" ngày 16/7/2013 và "Tờ sang nhượng nền đất và nhà" ngày 08/6/2013.

Hiện nay, P đã bỏ địa phương do bể nợ. Ông Th xin hẹn đến ngày 01/3/2018 sẽ trả dần vốn 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi hết nợ, xin không tính lãi suất.

- Theo biên bản lấy lời khai của chị Trần Thị Mỹ T ngày 18/01/2018, chị T khai: Ông Th và bà P vay tiền của bà O có thế chấp căn nhà theo yêu cầu khởi kiện của bà O, chị T không biết và không có trách nhiệm. Từ trước đến nay, chị T không sống trong căn nhà tọa lạc tại khóm Châu Thới 1, phường Châu Phú B, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang (căn nhà ông Th, bà P thế chấp giấy tay cho bà O để vay tiền), căn nhà thuộc sở hữu của ông Th, bà P. Chị T không liên quan đến việc nợ giữa ông Th, bà P với bà O, không có trách nhiệm trong việc ông Th, bà Phương thế chấp 18 m^2 đất do T nhận chuyển nhượng của ông Dương Văn Tùng và bà Lê Thị Mỹ. Chị T xin được vắng mặt khi Tòa án triệu tập do

đang tạm trú ở xa.

Tại phiên tòa, bà P vắng mặt lần thứ hai không có lý do, chị T vắng mặt có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; bà O, ông Th giữ nguyên ý kiến.

Ý kiến của Kiểm sát viên:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký trong thời gian chuẩn bị xét xử đúng pháp luật. Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 48, Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án tại phiên tòa đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về xét sử sơ thẩm vụ án.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng, thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt phù hợp khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về giải quyết vụ án, căn cứ vào hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ, xét hỏi và tranh luận tại phiên tòa, nhận thấy: Ngày 01/01/2017, đồng bị đơn vay của nguyên đơn 100.000.000 đồng, thỏa thuận thời hạn vay 02 tháng, đóng lãi được 09 lần số tiền 18.000.000 đồng thì ngưng. Nguyên đơn yêu cầu đồng bị đơn trả vốn còn lại 100.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi, yêu cầu tính lãi phát sinh sau khi xét xử cho đến khi thanh toán xong. Ông Th thừa nhận ông và bà P có vay và đã vi phạm nghĩa vụ trả lãi, vốn cho bà O như bà O trình bày, xin trả 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi dứt nợ. Căn cứ Điều 463, 466 Bộ luật dân sự 2015, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Đồng bị đơn trả vốn 100.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất là có căn cứ theo quy định các Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự 2015. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về tố tụng:

[1] Thẩm quyền: Bà Nguyễn Thị Hoàng O khởi kiện tranh chấp dân sự vay tài sản với ông Trần Vĩnh Th và bà Nguyễn Thị P, địa chỉ: tổ 19, khu dân cư khóm A1, phường B, thành phố C, tỉnh D. Xét, quan hệ tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; nguyên đơn đã nộp tạm ứng án phí và Tòa án thụ lý giải quyết.

[2] Thời hiệu khởi kiện: Ngày 01/01/2017 bà O cho ông Th và bà P vay vốn 100.000.000 đồng. Ông Th và bà P trả lãi đến ngày 01/10/2017 thì ngưng, chưa trả vốn. Ngày 29/11/2017, bà O khởi kiện tranh chấp dân sự vay tài sản nên còn thời hiệu khởi kiện theo Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015.

[3] Sự vắng mặt của đương sự: Bà Nguyễn Thị P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt; chị Trần Thị Mỹ T có đơn yêu cầu

xét xử vắng mặt; căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử.

Về nội dung:

[1] Vốn vay: Ngày 01/01/2017, bà Nguyễn Thị Hoàng O cho vợ chồng ông Trần Vĩnh Th và bà Nguyễn Thị P vay vốn 100.000.000 (một trăm triệu) đồng, lãi suất 2%/tháng, thời hạn 02 tháng. Bà O và ông Th có lời khai thống nhất, ông Th và bà P chưa trả vốn 100.000.000 đồng cho bà O.

Quá trình giải quyết vụ án, bà P vắng mặt không tham gia tố tụng theo triệu tập của Tòa án, không cung cấp ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà O. Ông Th còn khai nhận chữ ký trong biên nhận ngày 01/01/2017 để vay 100.000.000 đồng đúng chữ ký của ông và bà P.

Ông Th và bà P vay tiền của bà O nhưng vi phạm nghĩa vụ trả vốn, lãi suất. Bà O yêu cầu ông Th, bà P liên đới có trách nhiệm trả cho bà O vốn 100.000.000 đồng là có căn cứ chấp nhận.

[2] Tiền lãi: Thời gian vay tiền, ông Th và bà P đã trả lãi cho bà O nhận tổng cộng 18.000.000 đồng (tính từ ngày 01/01/2017 đến ngày 01/10/2017), lãi suất 2%/tháng là cao hơn lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự. Tuy nhiên, nếu ông Th và bà P thực hiện nghĩa vụ trả lãi đầy đủ từ ngày vay (ngày 01/01/2017) đến ngày xét xử (ngày 02/3/2018) thì ông Th và bà P phải trả tiền lãi cho bà O: 14 tháng 01 ngày x 1,67%/tháng x 100.000.000 đồng = 23.435.667 đồng, cao hơn số tiền lãi 18.000.000 đồng ông Th và bà P đã trả. Bà O không yêu cầu tính lãi, yêu cầu không điều chỉnh lãi suất đối với số tiền lãi đã trả là có lợi cho ông Th và bà P. Xét, chấp nhận.

[3] Buộc ông Trần Vĩnh Th và bà Nguyễn Thị P cùng liên đới có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị Hoàng O vốn 100.000.000 đồng (một trăm triệu) đồng theo quy định tại Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự 2015.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

.

Ông Th xin trả hàng tháng theo khả năng, không được bà O chấp nhận là không đảm bảo quyền lợi hợp pháp của nguyên đơn, xét không chấp nhận. Tuy nhiên, cách trả sẽ được xem xét ở giai đoạn thi hành án.

[4] Về án phí, ông Th và bà P phải chịu 5.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Tuy nhiên, ông Th có đơn xin miễn án phí được Ủy ban nhân dân phường Châu Phú A xác nhận ông Th có hoàn cảnh gia đình khó khăn, miễn cho ông Th ½ án phí, ông Th phải chịu 1.250.000 đồng án phí, bà P phải chịu 2.500.000

đồng án phí; tổng cộng ông Th và bà P phải chịu 3.750.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà O được chấp nhận toàn bộ yêu cầu kiện nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả tạm ứng án phí cho bà O.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2005; các Điều 147, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

[1] Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Hoàng O;

Buộc ông Trần Vĩnh Th (Cu) và bà Nguyễn Thị P liên đới có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị Hoàng O tiền vốn *100.000.000 (một trăm triệu) đồng*.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

[2] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Trần Văn Th và bà Nguyễn Thị P phải chịu 3.750.000 (ba triệu bảy trăm năm mươi nghìn) đồng án phí án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị Hoàng O không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả lại cho bà O *2.500.000 (hai triệu, năm trăm nghìn) đồng* tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số TU/2015/0014967 ngày 29 tháng 11 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Châu Đốc.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ông Th và bà O có quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Riêng thời hạn kháng cáo của bà P và chị T là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Viện KSND TP (2);
- Tòa án nhân dân tỉnh (1);
- Thi hành án DS TP (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1),
- Lưu văn phòng (1).

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Huỳnh Thị Bạch Tuyết